THCS Chu Văn An
Năm học 2020 - 2021
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 7 ĐẠI TRÀ

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 14 tháng 9 năm 2020

THỨ	TIẾT	7A1 (Liên)	7A2 (Kha)	7A3 (Huy)	7A4 (Nhân)	7A5 (N.Hạnh)	7A6 (Nhựng)	7A7 (K.Hạnh)	7A8 (Linh)	7A9 (Hồng H)
2	1	SHDC - Liên	SHDC - Kha	SHDC - Huy	SHDC - Nhân	SHDC - N.Hạnh	SHDC - Nhựng	SHDC - K.Hạnh	SHDC - Linh	SHDC - Hồng H
	2	Toán - Liên	Tin - Kha	Địa - Huy	Toán - Nhân	Địa - Cang	Văn - Nhựng	Toán - N.Hạnh	Nhạc - Luận	Toán - Linh
	3	Toán - Liên	Tin - Kha	Văn - Thư V	Toán - Nhân	Toán - N.Hạnh	MT - Bích	Sử - Mai	Sinh - Út	Toán - Linh
	4	Văn - Thư V	Địa - Huy	Toán - Liên	NN - C.Thảo	Toán - N.Hạnh	Địa - Cang	Sinh - Út	Toán - Linh	Văn - V Bình
	5	MT - Bích	Văn - Thư V	Toán - Liên	NN - C.Thảo	Nhạc - Luận	Lí - K.Hạnh	Văn - V Bình	Địa - Cang	Sinh - Út
3	1	Nhạc - Luận	Sinh - Thảo S	GDCD - Hương	Địa - Huy	Lí - Thuần	Văn - Nhựng	CNghệ - Long	Lí - K.Hạnh	Sinh - Út
	2	Sinh - Thảo S	Văn - Thư V	Địa - Huy	Văn - Nhựng	Sử - Nga S	CNghệ - Long	Nhạc - Luận	Sinh - Út	Sử - Mai
	3	Địa - Huy	Văn - Thư V	Sinh - Thảo S	Lí - Thuần	Văn - Nhựng	Sinh - Út	Địa - Cang	CNghệ - Long	CNghệ - Hồng H
	4	Văn - Thư V	Địa - Huy	Lí - Thuần	Sử - Nga S	CNghệ - Long	GDCD - Hương	Sử - Mai	Tin - Dưng	Nhạc - Luận
	5	Văn - Thư V	Nhạc - Luận	Sử - Nga S	CNghệ - Long	Sinh - Út	Địa - Cang	GDCD - Hằng	Tin - Dưng	Địa - Vân
4	1	NN - N.Hà	Toán - Liên	Sinh - Thảo S	Tin - Kha	Toán - N.Hạnh	Nhạc - Luận	CNghệ - Long	MT - Bích	Toán - Linh
	2	Sử - Huyền	Toán - Liên	CNghệ - Long	Tin - Kha	Toán - N.Hạnh	Sử - Nga S	Tin - Dưng	Địa - Cang	Toán - Linh
	3	CNghệ - Long	NN - N.Hà	Toán - Liên	MT - Bích	NN - C.Thảo	Toán - N.Hạnh	Tin - Dưng	Toán - Linh	NN - Dương
	4	Toán - Liên	NN - N.Hà	NN - C.Thảo	Sinh - Thảo S	Địa - Cang	Tin - Kha	Toán - N.Hạnh	Toán - Linh	Tin - Dưng
	5	Toán - Liên	Sử - Nga S	NN - C.Thảo	Nhạc - Luận	Sinh - Út	Tin - Kha	Toán - N.Hạnh	NN - Dương	Tin - Dưng
5	1	Tin - Kha	GDCD - Hương	Sử - Nga S	CNghệ - Long	MT - Bích	Văn - Nhựng	Văn - V Bình	Sử - Mai	NN - Dương
	2	Tin - Kha	MT - Bích	CNghệ - Long	Sử - Nga S	GDCD - Hương	Văn - Nhựng	Văn - V Bình	GDCD - Hằng	NN - Dương
	3	Sử - Huyền	Lí - N Trang	MT - Bích	NN - C.Thảo	Văn - Nhựng	Sử - Nga S	NN - Dương	CNghệ - Long	Văn - V Bình
	4	CNghệ - Long	Sử - Nga S	Tin - Kha	GDCD - Hương	Văn - Nhựng	NN - C.Thảo	NN - Dương	Văn - V Bình	Địa - Vân
	5	Lí - N Trang	CNghệ - Long	Tin - Kha	Văn - Nhựng	Sử - Nga S	NN - C.Thảo	MT - Bích	Văn - V Bình	GDCD - Hằng
6	1	Văn - Thư V	Toán - Liên	Nhạc - Luận	Địa - Huy	Văn - Nhựng	Toán - N.Hạnh	Lí - K.Hạnh	Sử - Mai	MT - Bích
	2	GDCD - Hương	Toán - Liên	Văn - Thư V	Toán - Nhân	Tin - Kha	Toán - N.Hạnh	Địa - Cang	Văn - V Bình	Sử - Mai
	3	Địa - Huy	NN - N.Hà	Toán - Liên	Toán - Nhân	Tin - Kha	NN - C.Thảo	Văn - V Bình	Toán - Linh	Lí - K.Hạnh
	4	NGLL - Liên	NGLL - Kha	NGLL - Huy	NGLL - Nhân	NGLL - N.Hạnh	NGLL - Nhựng	NGLL - K.Hạnh	NGLL - Linh	NGLL - Hồng H
	5	SHCN - Liên	SHCN - Kha	SHCN - Huy	SHCN - Nhân	SHCN - N.Hạnh	SHCN - Nhựng	SHCN - K.Hạnh	SHCN - Linh	SHCN - Hồng H
7	1	Sinh - Thảo S	Văn - Thư V	NN - C.Thảo	Văn - Nhựng	CNghệ - Long	Toán - N.Hạnh	Sinh - Út	NN - Dương	Văn - V Bình
	2	NN - N.Hà	Sinh - Thảo S	Văn - Thư V	Văn - Nhựng	NN - C.Thảo	CNghệ - Long	Toán - N.Hạnh	NN - Dương	Văn - V Bình
	3	NN - N.Hà	CNghệ - Long	Văn - Thư V	Sinh - Thảo S	NN - C.Thảo	Sinh - Út	NN - Dương	Văn - V Bình	CNghệ - Hồng H
	4									
	5									

THCS Chu Văn An
Năm học 2020 - 2021
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 9 ĐẠI TRÀ

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 14 tháng 9 năm 2020

THỨ	TIẾT	9A1 (Quyên)		9A2 (Nguyệt)		9A3 (Trâm)	9A4 (Vàng)	9A5 (Hằng T)	9A6 (Hồi)	9A7 (Anh V)	9A8 (L Hiếu)	9A9 (Như)
2	1	SHDC - Quyên		SHDC - Nguyệt		SHDC - Trâm	SHDC - Vàng	SHDC - Hằng T	SHDC - Hồi	SHDC - Anh V	SHDC - L Hiếu	SHDC - Như
	2	ToánB2 - K.Thủy	Địa - Hải	Lí - K.Hạnh	Văn+ - Anh V	Hóa - Như	Văn - K Trang	Lí - Quyên	Địa - Vàng	Văn - Anh V	NN+ - Phát	Văn+ - P Thu
	3	ToánB2 - K.Thủy	TD+ - Trung	Toán - Vĩnh	Văn+ - Anh V	Văn - K Trang	Sinh - Trâm	Toán+ - Hằng T	Văn+ - Hồi	Văn - Anh V	NN+ - Phát	NN+ - T.Hà
	4	Hóa - Hồng H	TD+ - Trung	Toán+ - Vĩnh	NN+ - Phát	Văn - K Trang	Lí - K.Hạnh	Toán - Hằng T	Văn+ - Hồi	GDCD - Hằng	Sinh - Nguyệt	NN+ - T.Hà
	5		CNghệ - H.Hà		NN+ - Phát	Toán - K.Thủy	Toán+ - Vĩnh	Văn - Hồi	Sinh - Nguyệt	Lí - Quyên	GDCD - Hằng	Văn - P Thu
3	1	LýB2 - Quyên		Hóa - Như		Văn+ - K Trang	Sử - Thư S	GDCD - Hằng	Địa - Vàng	Hóa - K Giang	Địa - Cang	Lí - N Trang
	2	Văn - Lan	Văn+ - Lan	Lí - K.Hạnh	Địa - Hải	Văn+ - K Trang	Hóa - Như	Văn+ - Hồi	Hóa - K Giang	Lí - Quyên	Hóa - L Hiếu	Địa - Cang
	3	Văn - Lan	Văn+ - Lan	Văn - Anh V	Sinh - Nguyệt	Hóa - Như	Sinh - Trâm	Văn+ - Hồi	Sử - Thư S	CNghệ - Quí	Lí - N Trang	Văn - P Thu
	4	HóaB2 - Hồng H	Sinh - Trâm	VănB2 - Anh V	CNghệ - H.Hà	Sinh - Trâm	Văn - K Trang	Lí - Quyên	Văn - Hồi	Sử - Thư S	Văn - P Thu	CNghệ - Quí
	5		Địa - Hải		Sử - Thư S	Lí - K.Hạnh	Văn - K Trang	Hóa - K Giang	Lí - Quyên	Văn - Anh V	Văn - P Thu	Sử - Thư S
4	1	NN - T.Hà		Hóa - Như		Sử - Thư S	NN+ - C.Thảo	Toán - Hằng T	GDCD - Hằng	Địa - Hải	NN - Phát	Toán - Hiệp
	2	NN - T.Hà	Sử - Vui	NN - Phát	MT - Nhàn	Địa - Hải	NN+ - C.Thảo	Toán - Hằng T	Sinh - Nguyệt	Hóa - K Giang	Sử - Thư S	GDCD - Hằng
	3	Toán - K.Thủy	NNB2 - T.Hà	ToánB2 - Vĩnh	Sinh - Nguyệt	NN - Phát	Hóa - Như	Sinh - Nguyệt	Hóa - K Giang	Toán - Vinh	Địa - Cang	Toán+ - Hiệp
	4	Toán - K.Thủy	Sinh - Trâm	ToánB2 - Vĩnh	TD+ - Trung	NN - Phát	GDCD - Hằng	Sử - Thư S	Toán - Ngọc	NN+ - T.Hà	Toán - Vinh	Hóa - Như
	5		MT - Nhàn		TD+ - Trung	Toán+ - K.Thủy	Toán - Vĩnh	Hóa - K Giang	Toán - Ngọc	NN+ - T.Hà	Toán - Vinh	Địa - Cang
5	1	Văn - Lan		Toán - Vĩnh		Toán+ - K.Thủy	Địa - Vàng	NN+ - C.Thảo	Toán - Ngọc	Toán - Vinh	Văn - P Thu	Toán - Hiệp
	2	Văn - Lan	GDCD - Hằng	Toán - Vĩnh	Địa - Hải	Địa - Hải	Văn+ - K Trang	NN+ - C.Thảo	Văn - Hồi	Toán+ - Vinh	Văn - P Thu	NN - T.Hà
	3	Toán - K.Thủy	NN+ - T.Hà	Văn - Anh V	GDCD - Hằng	GDCD - Hằng	Văn+ - K Trang	Địa - Vàng	Văn - Hồi	Địa - Hải	NN - Phát	NN - T.Hà
	4	Toán - K.Thủy	NN+ - T.Hà	NN - Phát	NNB2 - Phát	Văn - K Trang	Toán - Vĩnh	Văn - Hồi	NN+ - T.Hà	Văn+ - Anh V	Toán+ - Vinh	Văn+ - P Thu
	5					Toán - K.Thủy	Toán - Vĩnh	CNghệ - H.Hà	NN+ - T.Hà	Văn+ - Anh V	Toán+ - Vinh	Toán+ - Hiệp
6	1	Toán+ - K.Thủy		Văn - Anh V		NN+ - Phát	NN - C.Thảo	Toán - Hằng T	Văn - Hồi	Toán+ - Vinh	Văn - P Thu	Sinh - Nguyệt
	2	Toán+ - K.Thủy		LýB2 - K.Hạnh		NN+ - Phát	NN - C.Thảo	Địa - Vàng	Toán+ - Ngọc	Sinh - Nguyệt	Toán - Vinh	Văn - P Thu
	3	Lí - Quyên		HóaB2 - Như		Toán - K.Thủy	Văn - K Trang	Toán+ - Hằng T	NN - T.Hà	Văn - Anh V	Sinh - Nguyệt	Văn - P Thu
	4	SHCN - Quyên		SHCN - Nguyệt		Toán - K.Thủy	Địa - Vàng	Văn - Hồi	NN - T.Hà	Văn - Anh V	Hóa - L Hiếu	Hóa - Như
	5					SHCN - Trâm	SHCN - Vàng	SHCN - Hằng T	SHCN - Hồi	SHCN - Anh V	SHCN - L Hiếu	SHCN - Như
7	1	Hóa - Hồng H		Toán+ - Vĩnh		CNghệ - H.Hà	Lí - K.Hạnh	Sinh - Nguyệt	Lí - Quyên	Toán - Vinh	CNghệ - Quí	Toán - Hiệp
	2	Lí - Quyên		Văn - Anh V		Lí - K.Hạnh	Toán - Vĩnh	Văn - Hồi	CNghệ - H.Hà	Toán - Vinh	Văn+ - P Thu	Toán - Hiệp
	3	Văn - Lan		Văn - Anh V		Sinh - Trâm	Văn - K Trang	Văn - Hồi	Toán+ - Ngọc	NN - T.Hà	Văn+ - P Thu	Sinh - Nguyệt
	4	VănB2 - Lan		Toán - Vĩnh		Văn - K Trang	CNghệ - H.Hà	NN - C.Thảo	Văn - Hồi	NN - T.Hà	Lí - N Trang	Văn - P Thu
	5					Văn - K Trang	Toán+ - Vĩnh	NN - C.Thảo	Toán - Ngọc	Sinh - Nguyệt	Toán - Vinh	Lí - N Trang

THCS Chu Văn An
Năm học 2020 - 2021
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 6 ĐẠI TRÀ

BUỔI CHIỀU

Thực hiện từ ngày 14 tháng 9 năm 2020

THỨ	TIẾT	6A1 (Tú)	6A2 (Oanh)	6A3 (Vân)	6A4 (Nhàn)	6A5 (Tâm)	6A6 (N Hiếu)	6A7 (Quỳnh)	6A8 (Thúy A)	6A9 (N Dũng)
2	1	Lí - Quí	Địa - Vân	Văn - Oanh	NN - Tú	Văn - N Bình	Toán - N Hiếu	Toán - Quỳnh	Văn - N Dũng	Tin - Hậu
	2	Văn - Oanh	MT - Nhàn	Lí - Quí	NN - Tú	Địa - Vân	Toán+ - N Hiếu	Văn - N Dũng	Toán - Quỳnh	Tin - Hậu
	3	Văn - Oanh	Toán - N Hiếu	NN - Tú	Văn - N Bình	Toán+ - Tâm	Tin - Nương	Văn - N Dũng	Toán - Quỳnh	NN - Dương
	4	Toán - Hậu	Toán+ - N Hiếu	Địa - Vân	Văn - N Bình	Toán - Tâm	Tin - Nương	NN - Thúy A	MT - Nhàn	NN - Dương
	5	SHDC - Tú	SHDC - Oanh	SHDC - Vân	SHDC - Nhàn	SHDC - Tâm	SHDC - N Hiếu	SHDC - Quỳnh	SHDC - Thúy A	SHDC - N Dũng
3	1	NN - Tú	Sinh - Minh	Văn - Oanh	CNghệ - Quy	Sinh - Thảo S	Văn - N Bình	Địa - Huy	Nhạc - Thanh N	Sử - Huyền
	2	Văn - Oanh	CNghệ - Huỳnh	MT - Nhàn	Sử - Huyền	CNghệ - Quy	Văn - N Bình	Nhạc - Thanh N	Văn - N Dũng	Địa - Huy
	3	Nhạc - Thanh N	Văn - Oanh	CNghệ - Huỳnh	Văn - N Bình	Sử - Huyền	MT - Nhàn	CNghệ - Quy	Địa - Huy	GDCD - Vui
	4	CNghệ - Huỳnh	NN - Tú	Sử - Huyền	Tin - Nương	MT - Nhàn	Sinh - Thảo S	Văn - N Dũng	GDCD - Vui	CNghệ - Quy
	5	MT - Nhàn	Nhạc - Thanh N	Sinh - Minh	Tin - Nương	GDCD - Vui	CNghệ - Quy	Sinh - Thảo S	Sử - Huyền	Văn - N Dũng
4	1	Toán+ - Hậu	NN - Tú	Toán - Nhân	MT - Nhàn	Nhạc - Thanh N	NN - Thúy A	Toán - Quỳnh	Lí - Quí	Sinh - Thảo S
	2	Toán - Hậu	NN - Tú	Toán+ - Nhân	Sinh - Minh	Lí - Quí	NN - Thúy A	Toán - Quỳnh	Sinh - Thảo S	Nhạc - Thanh N
	3	Sinh - Minh	Tin - Nương	Nhạc - Thanh N	Toán - Nhân	Sinh - Thảo S	GDCD - Vui	Lí - Quí	Tin - Hậu	Toán - Quỳnh
	4	GDCD - Vui	Tin - Nương	Sinh - Minh	Toán+ - Nhân	NN - Thúy A	Sinh - Thảo S	MT - Nhàn	Tin - Hậu	Toán+ - Quỳnh
	5									
5	1	Toán - Hậu	Văn - Oanh	NN - Tú	Văn - N Bình	CNghệ - Quy	Lí - Quí	Sử - Huyền	Toán - Quỳnh	NN - Dương
	2	Toán - Hậu	Văn - Oanh	NN - Tú	GDCD - Vui	Tin - Nương	Văn - N Bình	Toán - Quỳnh	CNghệ - Quy	Lí - Quí
	3	Văn - Oanh	Sử - Huyền	Toán - Nhân	CNghệ - Quy	Tin - Nương	Nhạc - Thanh N	GDCD - Vui	NN - Thúy A	Toán - Quỳnh
	4	Tin - Nương	GDCD - Vui	Toán - Nhân	Lí - Quí	Toán - Tâm	CNghệ - Quy	Tin - Hậu	NN - Thúy A	Toán - Quỳnh
	5	Tin - Nương	Lí - Quí	GDCD - Vui	Toán - Nhân	Toán - Tâm	NN - Thúy A	Tin - Hậu	Toán+ - Quỳnh	CNghệ - Quy
6	1	Địa - Vân	Văn - Oanh	CNghệ - Huỳnh	NN - Tú	Toán - Tâm	Toán - N Hiếu	NN - Thúy A	Toán - Quỳnh	Văn - N Dũng
	2	NN - Tú	CNghệ - Huỳnh	Tin - Nương	Địa - Vân	Văn - N Bình	Toán - N Hiếu	NN - Thúy A	Văn - N Dũng	Toán - Quỳnh
	3	NN - Tú	Toán - N Hiếu	Tin - Nương	Sinh - Minh	Văn - N Bình	Địa - Vân	Toán+ - Quỳnh	Văn - N Dũng	MT - Nhàn
	4	NGLL - Tú	NGLL - Oanh	NGLL - Vân	NGLL - Nhàn	NGLL - Tâm	NGLL - N Hiếu	NGLL - Quỳnh	NGLL - Thúy A	NGLL - N Dũng
	5	SHCN - Tú	SHCN - Oanh	SHCN - Vân	SHCN - Nhàn	SHCN - Tâm	SHCN - N Hiếu	SHCN - Quỳnh	SHCN - Thúy A	SHCN - N Dũng
7	1	Sử - Huyền	Toán - N Hiếu	Văn - Oanh	Toán - Nhân	NN - Thúy A	Văn - N Bình	Văn - N Dũng	CNghệ - Quy	Sinh - Thảo S
	2	Sinh - Minh	Toán - N Hiếu	Văn - Oanh	Toán - Nhân	NN - Thúy A	Sử - Huyền	CNghệ - Quy	Sinh - Thảo S	Văn - N Dũng
	3	CNghệ - Huỳnh	Sinh - Minh	Toán - Nhân	Nhạc - Thanh N	Văn - N Bình	Toán - N Hiếu	Sinh - Thảo S	NN - Thúy A	Văn - N Dũng
	4									
	5									

THCS Chu Văn An
Năm học 2020 - 2021
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 8 ĐẠI TRÀ

BUỔI CHIỀU

Thực hiện từ ngày 14 tháng 9 năm 2020

THỨ	TIẾT	8A1 (N.Hà)	8A2 (H Giang)	8A3 (L.Thảo)	8A4 (Lan)	8A5 (Hồng V)	8A6 (T Thu)	8A7 (Dưng)	8A8 (N.Thảo)	8A9 (Nhung)	8A10 (T Dũng)
2	1	Văn - Châu	Sử - Thư S	Sinh - Nhung	Địa - Hải	NN - L.Thảo	Văn - Hồng V	Toán - T Thu	CNghệ - H.Hà	Hóa - K Giang	Văn - Quế
	2	Toán+ - Hằng T	Văn - Châu	Sử - Thư S	Sinh - Nhung	Văn - Hồng V	CNghệ - H.Hà	Toán - T Thu	NN - N.Thảo	Văn - Quế	Toán+ - T Dũng
	3	Toán - Hằng T	Sinh - Nhung	Toán - H Giang	NN - L.Thảo	Sử+ - Thư S	Toán - T Thu	Địa - Hải	NN - N.Thảo	Văn - Quế	CNghệ - H.Hà
	4	NN - N.Hà	Toán - H Giang	Địa - Hải	Sử - Thư S	Sinh - Nhung	NN - L.Thảo	Lí - Dưng	Toán+ - T Thu	CNghệ - H.Hà	Toán - T Dũng
	5	SHDC - N.Hà	SHDC - H Giang	SHDC - L.Thảo	SHDC - Lan	SHDC - Hồng V	SHDC - T Thu	SHDC - Dưng	SHDC - N.Thảo	SHDC - Nhung	SHDC - T Dũng
3	1	Văn - Châu	GDCD - Hương	Hóa - Huỳnh	Văn - Lan	CNghệ - H.Hà	Hóa - Hồng H	Hóa - L Hiếu	Toán - T Thu	Toán - T Dũng	Văn - Quế
	2	Văn - Châu	Toán+ - H Giang	CNghệ - H.Hà	GDCD - Hương	Hóa - Hồng H	Toán - T Thu	Sinh - Minh	MT - Dung	Toán+ - T Dũng	Hóa - L Hiếu
	3	GDCD - Hương	Toán - H Giang	Văn - Châu	Hóa - Hồng H	MT - Dung	Toán - T Thu	CNghệ - H.Hà	Sử - Mai	Nhạc - Luận	Toán - T Dũng
	4	Sử - Thư S	Địa - Hải	Lí - Thuần	Toán+ - H Giang	Văn - Hồng V	Sử - Nga S	GDCD - Hương	Nhạc - Luận	Sử - Mai	MT - Dung
	5	CNghệ - H.Hà	Hóa - Huỳnh	Toán+ - H Giang	MT - Dung	GDCD - Hương	Văn - Hồng V	Sử - Mai	Hóa - Như	Văn - Quế	Nhạc - Luận
4	1	Sinh - Nhung	Văn - Châu	Toán - H Giang	Sử+ - Thư S	Hóa - Hồng H	NN - L.Thảo	Sinh - Minh	Hóa - Như	NN - N.Thảo	Toán - T Dũng
	2	NN - N.Hà	Toán+ - H Giang	Sử+ - Thư S	Hóa - Hồng H	Toán - Linh	NN - L.Thảo	Toán - T Thu	Địa - Vàng	Sinh - Nhung	Toán - T Dũng
	3	Sử+ - Thư S	Hóa - Huỳnh	Văn - Châu	Sinh - Nhung	Toán - Linh	Hóa - Hồng H	Hóa - L Hiếu	Toán - T Thu	Toán+ - T Dũng	Sinh - Trâm
	4	MT - Dung	Sử+ - Thư S	Văn - Châu	Toán - H Giang	Sinh - Nhung	Nhạc - Thanh N	NN - N.Thảo	Toán - T Thu	Địa - Vàng	Hóa - L Hiếu
	5	Hóa - Huỳnh	Sinh - Nhung	NN - L.Thảo	Toán - H Giang	Sử - Thư S	Toán+ - T Thu	NN - N.Thảo	Sinh - Trâm	MT - Dung	Địa - Vàng
5	1	Toán+ - Hằng T	Toán - H Giang	GDCD - Hương	Văn - Lan	Nhạc - Thanh N	Địa - Hải	MT - Dung	Văn - Quế	NN - N.Thảo	Lí - Dưng
	2	Nhạc - Thanh N	Toán - H Giang	NN - L.Thảo	Văn - Lan	Lí - Thuần	MT - Dung	Toán+ - T Thu	Văn - Quế	NN - N.Thảo	GDCD - Hương
	3	Toán - Hằng T	Lí - Thuần	NN - L.Thảo	Toán - H Giang	Địa - Hải	Sử+ - Nga S	Văn - N Bình	Toán - T Thu	GDCD - Hương	Văn - Quế
	4	Lí - Thuần	Nhạc - Thanh N	MT - Dung	Toán+ - H Giang	Toán - Linh	GDCD - Hương	Văn - N Bình	Toán+ - T Thu	Toán - T Dũng	Văn - Quế
	5	Địa - Hải	MT - Dung	Toán+ - H Giang	Lí - Thuần	Toán+ - Linh	Toán - T Thu	Nhạc - Thanh N	GDCD - Hương	Toán - T Dũng	NN - N.Thảo
6	1	Sinh - Nhung	Văn - Châu	Toán - H Giang	NN - L.Thảo	Văn - Hồng V	Lí - Thuần	Văn - N Bình	Văn - Quế	Toán - T Dũng	NN - N.Thảo
	2	Toán - Hằng T	Văn - Châu	Toán - H Giang	NN - L.Thảo	Văn - Hồng V	Sinh - Minh	Sử+ - Mai	Sinh - Trâm	Sinh - Nhung	NN - N.Thảo
	3	Toán - Hằng T	NN - N.Hà	Văn - Châu	Toán - H Giang	NN - L.Thảo	Văn - Hồng V	NN - N.Thảo	Sử+ - Mai	Hóa - K Giang	Sinh - Trâm
	4	Văn - Châu	NN - N.Hà	Sinh - Nhung	Văn - Lan	NN - L.Thảo	Văn - Hồng V	Toán+ - T Thu	NN - N.Thảo	Sử+ - Mai	Toán+ - T Dũng
	5	SHCN - N.Hà	SHCN - H Giang	SHCN - L.Thảo	SHCN - Lan	SHCN - Hồng V	SHCN - T Thu	SHCN - Dưng	SHCN - N.Thảo	SHCN - Nhung	SHCN - T Dũng
7	1	NN - N.Hà	CNghệ - H.Hà	Hóa - Huỳnh	Nhạc - Thanh N	Toán+ - Linh	Sinh - Minh	Toán - T Thu	Văn - Quế	Lí - Dưng	Sử+ - Nga S
	2	Hóa - Huỳnh	NN - N.Hà	Nhạc - Thanh N	CNghệ - H.Hà	Toán - Linh	Toán+ - T Thu	Văn - N Bình	Lí - Dưng	Văn - Quế	Sử - Nga S
	3	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL	NGLL
	4										
	5										

THCS Chu Văn An
Năm học 2020 - 2021
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP TẠO NGUỒN

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 14 tháng 9 năm 2020

THỨ	TIẾT	6A10 (Triệu)	6A11 (Minh)	6A12 (Nương)	7A10 (V Bình)	7A11 (Thư V)	7A12 (Bích)	8A11 (Thuần)	8A12 (Dung)	8A13 (Huỳnh)	9A10 (K Trang)	9A11 (Cang)	9A12 (Vui)
2	1	SHDC - Triệu	SHDC - Minh	SHDC - Nương	SHDC - V Bình	SHDC - Thư V	SHDC - Bích	SHDC - Thuần	SHDC - Dung	SHDC - Huỳnh	SHDC - K Trang	SHDC - Cang	SHDC - Vui
	2	Toán - Triệu	Sinh - Minh	Tin - Nương	Văn - V Bình	Sinh - Út	CNghệ - Hồng H	Lí - Thuần	Toán - Hằng T	Hóa - Huỳnh	Sinh - Nguyệt	Văn - Hồi	Sử - Vui
	3	Toán - Triệu	GDCD - Vui	Tin - Nương	Văn - V Bình	CNghệ - Hồng H	Văn - Nhựng	NN - L.Thảo	Nhạc - Luận	MT - Dung	Hóa - L Hiếu	GDCD - Hằng	Văn - P Thu
	4	Lí - Quyên	Toán - Triệu	Sinh - Minh	Sử - Mai	Nhạc - Luận	Toán - K.Thủy	NN - L.Thảo	Văn - Anh V	NN - Phát	MT - Bích	Hóa - L Hiếu	Văn - P Thu
	5												
3	1	Văn - Oanh	Văn - Quế	Văn - Châu	Địa - Vân	Văn - Thư V	Sử - Mai	Sử - Nga S	Sinh - Trâm	Sinh - Nhung	Hóa - L Hiếu	Văn - Hồi	Văn - P Thu
	2	Văn - Oanh	Văn - Quế	Văn - Châu	GDCD - Hằng	CNghệ - Hồng H	Địa - Vân	Sinh - Trâm	GDCD - Hương	Địa - Vàng	Sử - Thư S	Lí - N Trang	Văn - P Thu
	3	CNghệ - Quy	Nhạc - Thanh N	Lí - Quyên	Lí - K.Hạnh	Sử - Mai	GDCD - Hằng	Nhạc - Luận	Sử - Nga S	GDCD - Hương	Văn - K Trang	Hóa - L Hiếu	Hóa - K Giang
	4	Sinh - Thảo S	CNghệ - Quy	Nhạc - Thanh N	Sinh - Út	Địa - Vân	Lí - K.Hạnh	Hóa - K Giang	Hóa - Như	Văn - Lan	Lí - N Trang	Địa - Cang	GDCD - Hằng
	5												
4	1	Tin - Hậu	NN - N.Thảo	Toán - Tâm	Toán - Vĩnh	Toán - Ngọc	Toán - K.Thủy	Hóa - K Giang	MT - Dung	Toán - Vinh	Địa - Cang	Sinh - Nguyệt	NN - T Bình
	2	Tin - Hậu	NN - N.Thảo	Toán - Tâm	Toán - Vĩnh	Toán - Ngọc	Toán - K.Thủy	MT - Dung	Hóa - Như	Toán - Vinh	Toán - Hiệp	MT - Bích	NN - T Bình
	3	Sinh - Thảo S	Sử - Huyền	Địa - Huy	Sinh - Út	NN - T.Hà	Nhạc - Luận	Toán - T Dũng	Toán - Hằng T	Sử - Nga S	GDCD - Hằng	Sử - Thư S	Địa - Hải
	4	NN - Dương	Địa - Huy	Sử - Huyền	CNghệ - Long	MT - Bích	Sinh - Út	Toán - T Dũng	Toán - Hằng T	Nhạc - Luận	Sinh - Nguyệt	Toán - Hiệp	Hóa - K Giang
	5												
5	1	MT - Nhàn	NN - N.Thảo	Văn - Châu	NN - T.Hà	GDCD - Hằng	Địa - Vân	Văn - Hồng V	Văn - Anh V	NN - Phát	NN - T Bình	Văn - Hồi	Địa - Hải
	2	Nhạc - Thanh N	MT - Nhàn	Văn - Châu	Địa - Vân	Sử - Mai	Toán - K.Thủy	Văn - Hồng V	Văn - Anh V	NN - Phát	NN - T Bình	Toán - Hiệp	Toán - Ngọc
	3	CNghệ - Quy	Tin - Hậu	MT - Nhàn	Toán - Vĩnh	Địa - Vân	Sử - Mai	Toán - T Dũng	CNghệ - H.Hà	Văn - Lan	Toán - Hiệp	NN - T Bình	Toán - Ngọc
	4	Sử - Huyền	Tin - Hậu	CNghệ - Quy	Sử - Mai	Toán - Ngọc	MT - Bích	Toán - T Dũng	Địa - Vàng	CNghệ - H.Hà	Toán - Hiệp	NN - T Bình	Lí - N Trang
	5												
6	1	GDCD - Vui	Toán - Triệu	NN - Tú	Văn - V Bình	NN - T.Hà	NN - N.Hà	GDCD - Hương	Lí - Thuần	Sinh - Nhung	Văn - K Trang	Địa - Cang	Toán - Ngọc
	2	Địa - Huy	Toán - Triệu	Sinh - Minh	Nhạc - Luận	NN - T.Hà	NN - N.Hà	Sinh - Trâm	Toán - Hằng T	Lí - Thuần	Văn - K Trang	Văn - Hồi	MT - Bích
	3	Toán - Triệu	Sinh - Minh	GDCD - Vui	MT - Bích	Văn - Thư V	Văn - Nhựng	Địa - Vàng	NN - Phát	Hóa - Huỳnh	Địa - Cang	Văn - Hồi	Sinh - Trâm
	4	SHCN - Triệu	SHCN - Minh	SHCN - Nương	SHCN - V Bình	SHCN - Thư V	SHCN - Bích	SHCN - Thuần	SHCN - Dung	SHCN - Huỳnh	SHCN - K Trang	SHCN - Cang	SHCN - Vui
	5												
7	1	Văn - Oanh	Văn - Quế	Toán - Tâm	NN - T.Hà	Toán - Ngọc	NN - N.Hà	Văn - Hồng V	Văn - Anh V	Văn - Lan	Văn - K Trang	Lí - N Trang	Văn - P Thu
	2	Văn - Oanh	Văn - Quế	Toán - Tâm	NN - T.Hà	Sinh - Út	CNghệ - Hồng H	Văn - Hồng V	NN - Phát	Văn - Lan	Văn - K Trang	Sinh - Nguyệt	Lí - N Trang
	3	Toán - Triệu	Lí - Quyên	CNghệ - Quy	Toán - Vĩnh	Lí - K.Hạnh	Văn - Nhựng	CNghệ - H.Hà	NN - Phát	Toán - Vinh	Lí - N Trang	Toán - Hiệp	CNghệ - Quí
	4	NN - Dương	CNghệ - Quy	NN - Tú	Văn - V Bình	Văn - Thư V	Văn - Nhựng	NN - L.Thảo	Sinh - Trâm	Toán - Vinh	CNghệ - Quí	Toán - Hiệp	Toán - Ngọc
	5	NN - Dương	Toán - Triệu	NN - Tú	CNghệ - Long	Văn - Thư V	Sinh - Út	NGLL	NGLL	NGLL	Toán - Hiệp	CNghệ - Quí	Sinh - Trâm

THCS Chu Văn An
Năm học 2020 - 2021
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP TẠO NGUỒN

BUỔI CHIỀU

Thực hiện từ ngày 14 tháng 9 năm 2020

THỨ	TIẾT	6A10 (Triệu)	6A11 (Minh)	6A12 (Nương)	7A10 (V Bình)	7A11 (Thư V)	7A12 (Bích)	8A11 (Thuần)	8A12 (Dung)	8A13 (Huỳnh)	9A10 (K Trang)	9A11 (Cang)	9A12 (Vui)
2	1												
	2	NN+ - Dương	Toán Nguồn - Triệu	TD - Trung	NN+ - T.Hà	Văn+ - Thư V	Toán Nguồn - K.Thủy	NNTN - L.Thảo	NNTN - Phát	ToánXH - Vinh	NNTN - T Bình	LíTN - N Trang	HóaXH - K Giang
	3	Tin+ - Hậu	Toán Nguồn - Triệu	Văn+ - Châu	NN+ - T.Hà	Văn+ - Thư V	Toán Nguồn - K.Thủy	VănTN - Hồng V	TD - Năm	ToánXH - Vinh	NNTN - T Bình	LíTN - N Trang	VănXH - P Thu
	4	Toán Nguồn - Triệu	NN+ - N.Thảo	Văn+ - Châu	Văn+ - V Bình	NN+ - T.Hà	Tin - Kha	VănTN - Hồng V	ToánTN - Hằng T	VănXH - Lan	LíTN - N Trang	TD - M.Nghĩa	NNXH - T Bình
	5	Toán Nguồn - Triệu	Tin+ - Hậu	Tin+ - Nương	Văn+ - V Bình	NN+ - T.Hà	Tin - Kha	TD - Năm	ToánTN - Hằng T	TD - M.Nghĩa	LíTN - N Trang	NN++ - T Bình	TD - Trung
3	1												
	2	Sinh+ - Thảo S	Văn+ - Quế	NN+ - Tú	Lí+ - K.Hạnh	TD - Tân	Văn+ - Nhựng	Sinh+ - Trâm	Sử+ - Nga S	NNXH - Phát	Sinh+ - Nguyệt	VănTN - Hồi	VănXH - P Thu
	3	Lí+ - Quyên	Văn+ - Quế	NN+ - Tú	TD - Tân	Lí+ - K.Hạnh	Văn+ - Nhựng	Sử+ - Nga S	Sinh+ - Trâm	NNXH - Phát	VănTN - K Trang	VănTN - Hồi	VănXH - P Thu
	4	Văn+ - Oanh	Sinh+ - Minh	Lí+ - Quyên	Văn+ - V Bình	Văn+ - Thư V	TD - Năm	ToánTN - T Dũng	NNTN - Phát	TD - M.Nghĩa	VănTN - K Trang	HóaTN - L Hiếu	TD - Trung
	5	Văn+ - Oanh	Lí+ - Quyên	TD - Trung	Văn+ - V Bình	Văn+ - Thư V	Lí+ - K.Hạnh	TD - Năm	NNTN - Phát	LíXH - Thuần	TD - M.Nghĩa	HóaTN - L Hiếu	Sinh+ - Trâm
4	1												
	2	TD - Thủy TD	NN+ - N.Thảo	Văn+ - Châu	TD - Tân	NN+ - T.Hà	TD - Năm	HóaTN - K Giang	HóaTN - Như	ToánXH - Vinh	NNTN - T Bình	ToánTN - Hiệp	ToánXH - Ngọc
	3	Toán Nguồn - Triệu	NN+ - N.Thảo	NN+ - Tú	Toán Nguồn - Vĩnh	TD - Tân	NN+ - N.Hà	HóaTN - K Giang	HóaTN - Như	ToánXH - Vinh	ToánTN - Hiệp	NNTN - T Bình	ToánXH - Ngọc
	4	Toán Nguồn - Triệu	TD - Thủy TD	NN+ - Tú	Toán Nguồn - Vĩnh	Toán Nguồn - Ngọc	NN+ - N.Hà	NNTN - L.Thảo	TD - Năm	HóaXH - Huỳnh	ToánTN - Hiệp	Sinh+ - Nguyệt	NNXH - T Bình
	5												NNXH - T Bình
5	1												
	2	NN+ - Dương	TD - Thủy TD	Toán Nguồn - Tâm	NN+ - T.Hà	Tin+ - Dưng	Toán Nguồn - K.Thủy	ToánTN - T Dũng	ToánTN - Hằng T	Sử+ - Nga S	NN++ - T Bình	ToánTN - Hiệp	ToánXH - Ngọc
	3	NN+ - Dương	NN+ - N.Thảo	Toán Nguồn - Tâm	Tin - Dưng	Toán Nguồn - Ngọc	Toán Nguồn - K.Thủy	ToánTN - T Dũng	NNTN - Phát	VănXH - Lan	TD - M.Nghĩa	ToánTN - Hiệp	NNXH - T Bình
	4	TD - Thủy TD	NN+ - N.Thảo	NN+ - Tú	Tin - Dưng	Toán Nguồn - Ngọc	Tin+ - Kha	NNTN - L.Thảo	VănTN - Anh V	VănXH - Lan	ToánTN - Hiệp	TD - M.Nghĩa	NNXH - T Bình
	5							NNTN - L.Thảo	VănTN - Anh V	NNXH - Phát	ToánTN - Hiệp	NN++ - T Bình	
6	1												
	2	Văn+ - Oanh	Văn+ - Quế	Toán Nguồn - Tâm	Toán Nguồn - Vĩnh	Tin - Dưng	NN+ - N.Hà	ToánTN - T Dũng	LíTN - Thuần	VănXH - Lan	NN++ - T Bình	ToánTN - Hiệp	HóaXH - K Giang
	3	Văn+ - Oanh	Văn+ - Quế	Toán Nguồn - Tâm	Toán Nguồn - Vĩnh	Tin - Dưng	Sinh+ - Út	ToánTN - T Dũng	LíTN - Thuần	Sinh+ - Nhung	HóaTN - L Hiếu	ToánTN - Hiệp	NNXH - T Bình
	4	NN+ - Dương	Toán Nguồn - Triệu	Sinh+ - Minh	Tin+ - Dưng	Sinh+ - Út	Văn+ - Nhựng	LíTN - Thuần	ToánTN - Hằng T	NNXH - Phát	HóaTN - L Hiếu	NNTN - T Bình	ToánXH - Ngọc
	5	NN+ - Dương	Toán Nguồn - Triệu	Văn+ - Châu	Sinh+ - Út	Toán Nguồn - Ngọc	Văn+ - Nhựng	LíTN - Thuần	ToánTN - Hằng T	NNXH - Phát	ToánTN - Hiệp	NNTN - T Bình	LíXH - N Trang
7	1												
	2												
	3												
	4												
	5												